

PHỤ LỤC I

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ
Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO
TRƯỜNG MẦM NON TÂN HIỆP

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm: 2024-2025

I. THÔNG TIN CHUNG²

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Mầm non Tân Hiệp
2. Địa chỉ: Tổ 4 ấp 3, xã Tân Hiệp, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương
3. Loại hình của cơ sở giáo dục: Trường Mầm non công lập, cơ quan quản lý trực tiếp thuộc UBND huyện Phú Giáo, cơ quan quản lý chuyên môn Phòng GDĐT Phú Giáo.
4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu cơ sở giáo dục.

Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu của đơn vị là phát triển xây dựng trường MN Tân Hiệp phù hợp với các nhiệm vụ của nhà trường, định hướng phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Tạo dựng nhà trường thành ngôi trường học tập nề nếp, kỉ cương, có chất lượng giáo dục cao, để mỗi học sinh đều có cơ hội, điều kiện phát triển năng lực và tư duy sáng tạo.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Trường Mầm Non Tân Hiệp tọa lạc tại Ấp 3- xã Tân Hiệp với tổng diện tích 4.419m². Trường được thành lập theo Quyết định số 713/2000/QĐ-UB ngày 16/11/2000 của UBND huyện Phú Giáo trên cơ sở tổ mẫu giáo được tách ra từ trường Tiểu học Tân Hiệp thành trường Mẫu giáo Tân Hiệp. Với sự nỗ lực phấn đấu đoàn kết của tập thể cán bộ – giáo viên – nhân viên nên trường được Công nhận trường chuẩn quốc gia mức độ I theo Quyết định số: 1652/QĐ-UBND ngày 16/4/2007. Do nhu cầu phát triển số lượng học sinh trường xin đổi tên trường Mẫu giáo Tân Hiệp thành trường Mầm non Tân Hiệp theo Quyết định số 365/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2010 của UBND huyện Phú Giáo đổi tên thành trường Mầm non Tân Hiệp. Nhằm tạo điều kiện thuận lợi để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo yêu cầu của ngành, chất lượng nhà trường ngày càng được nâng lên, quy mô trường lớp ngày càng phát triển, cơ sở vật chất trang thiết bị tương đối đầy đủ, môi trường sư phạm tốt; Có nhà vệ sinh khép kín, có bếp một chiều đúng theo quy định, có sân chơi và môi trường sư phạm tốt. Vì vậy, năm 2012 – 2013 trường được công nhận trường đạt chất lượng giáo dục cấp độ 3 theo quyết định số 3521/QĐ – UBND Bình Dương ngày 17 tháng 12 năm 2012; năm học 2023-2024 trường được tái công nhận trường chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục giai đoạn 2024-2029.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

Phạm Thị Mỹ - Hiệu trưởng – Trường Mầm non Tân Hiệp

Số điện thoại: 0982285819

Địa chỉ mail: phammyth1981@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập trường

Trường được thành lập theo Quyết định số 713/2000/QĐ-UB ngày 16/11/2000 của UBND huyện Phú Giáo trên cơ sở tổ mẫu giáo được tách ra từ trường Tiểu học Tân Hiệp thành trường Mẫu giáo Tân Hiệp.

Quyết định đổi tên trường Mẫu giáo Tân Hiệp thành trường Mầm non Tân Hiệp theo Quyết định số 365/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2010 của UBND huyện Phú Giáo.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường

Quyết định số 117/QĐ-UBND ngày 28/3/2022 của UBND huyện Phú Giáo về việc thành lập Hội đồng Trường Mầm non Tân Hiệp Nhiệm kỳ 2022-2026;

Quyết định số 3495/QĐ-UBND ngày 22/7/2024 của UBND huyện Phú Giáo Quyết định về việc kiện toàn Hội đồng Trường Mầm non Tân Hiệp Nhiệm kỳ 2022-2026;

DANH SÁCH THÀNH VIÊN

HỘI ĐỒNG TRƯỜNG – TRƯỜNG MẦM NON TÂN HIỆP

(Theo Quyết định số 3495, ngày 22/7/2024 của Chủ tịch UBND huyện)

TT	Họ và tên	Chức vụ, chức danh	Trình độ chuyên môn	Ghi chú
1	Phạm Thị Mỹ	Bí thư chi bộ, Hiệu trưởng	Đại học	
2	Nguyễn Thị Thanh Phương	Phó bí thư chi bộ - PHT	Đại học	
3	Đình Thị Nết	Chủ tịch công đoàn – Giáo viên	Đại học	
4	Hoàng Thị Thơm	Phó hiệu trưởng	Đại học	
5	Huỳnh T. Thu Trang	Bí thư chi đoàn – Giáo viên	Đại học	

6	Nguyễn Thị Hiền	Tổ trưởng CM Tô Lá	Đại học	
7	Phạm Thị Tuyết	Tổ trưởng CM Tô Chôi	Đại học	
8	Đình Thị Thùy	Tổ trưởng CM Tô Mâm	Đại học	
9	Đoàn Thị Hoa	Tổ trưởng CM Tô Nhà trẻ	Đại học	
10	Võ Mộng Ngân Hà	Tổ trưởng Tổ Cấp dưỡng	Sơ cấp	
11	Tống Thị Cúc	Giáo viên cốt cán	Đại học	
12	Nguyễn Thị Lệ Hồng	Phó chủ tịch UBND xã Tân Hiệp	Đại học	
13	Vy Văn Đức	Ban đại diện CMHS	Đại học	

(Danh sách gồm có 13 người).

c) Quyết định bổ nhiệm hiệu trưởng số 936/QĐ-UBND ngày 01/7/2022 của Chủ tịch UBND huyện Phú Giáo Quyết định bổ nhiệm viên chức quản lý Phạm Thị Mỹ từ ngày 01/7/2022.

Quyết định bổ nhiệm Phó hiệu trưởng số 643/QĐ-UBND ngày 24/9/2008 của Chủ tịch UBND huyện Phú Giáo Quyết định bổ nhiệm cán bộ, viên chức Nguyễn Thị Thanh Phương từ ngày 01/10/2008.

Quyết định bổ nhiệm Phó hiệu trưởng số 641/QĐ-UBND ngày 24/9/2008 của Chủ tịch UBND huyện Phú Giáo Quyết định bổ nhiệm cán bộ, viên chức Hoàng Thị Thơm từ ngày 01/10/2008.

e) Họ và tên: Phạm Thị Mỹ - hiệu trưởng

số điện thoại: 0982285819

Địa chỉ mail:mn-tanhiep@pg.sgdbinhduong.edu.vn

Địa chỉ nơi làm việc: Ấp 3, Tân Hiệp, Phú giáo, Bình Dương

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN³

Stt	Họ và tên	Nữ			
-----	-----------	----	--	--	--

			Ngày, tháng, năm sinh	Chuyên môn nghề vụ	Chính trị	Ngoại ngữ	Tin học	Quản lý Giáo dục	Nhiệm vụ được phân công (Môn, số tiết/ lớp dạy, tổng số tiết được phân công hoặc công tác phụ trách
1	2	3	4	17	18	19	20	22	24
1	Phạm Thị Mỹ	x	21/5/1981	ĐHSP GDMN	TC- HC	B1	A	BDQLGD	Hiệu trưởng
2	Nguyễn T.Thanh Phương	x	1/3/1982	ĐHSP GDMN	TC- HC	B	B	BDQLGD	Phó hiệu trưởng
3	Hoàng Thị Thơm	x	15/10/1973	ĐHSP GDMN	TC - HC	B	B	BDQLGD	Phó hiệu trưởng
4	Bùi Thị Bình	x	18/4/1987	ĐH Kế toán		B	B		Kế toán
5	Trần Thị Huệ	x	01/07/1989	TC Y SĨ		B	B		NV y tế
6	Đoàn Quý Chàng		17/01/1983						Bảo vệ
7	Trần Hoàng Trọng		1971						Bảo vệ
8	Vô Mộng Ngân Hà	x	17/3/1971	Cấp dưỡng					Tổ trưởng - Tổ cấp dưỡng
9	Vô Kim Chi	x	25/11/1972	Cấp dưỡng					TP Tổ Cấp dưỡng
10	Trần Thị Xoa	x	11/09/1979	Cấp dưỡng					Cấp dưỡng
11	Nguyễn Thị Huệ	x	11/06/1985	Cấp dưỡng					Cấp dưỡng
12	Nguyễn T. Kim Lan	x	15/10/1981	Cấp dưỡng					Cấp dưỡng
13	Huỳnh Ngọc Bảo Chi	x	18/7/1983	Cấp dưỡng					Tổ phó tổ Cấp dưỡng
14	Nguyễn Thị Thương	x	1/1/1978	Nhân viên phục vụ					NV phục vụ
15	Trần Thị Thu Thảo	x	30/5/1971	Nhân viên phục vụ					NV phục vụ
16	Tổng Thị Cúc	x	23/11/1986	ĐHSP GDMN		A	A		Dạy lớp Lá 1

17	Trần Thanh Thủy	x	17/4/1986	ĐHSP GDMN		B	B		Đạy lớp chồi 1
18	Đinh Thị Nết	x	11/9/1982	ĐHSP GDMN	TC - HC	B1	B	BDQLGD	Đạy lớp Lá 2
19	Nguyễn Thị Hiền	x	6/11/1988	ĐHSP GDMN		B	B		Đạy lớp Lá 3 - Tổ trưởng Lá
20	Hoàng Thị Bích Ngọc	x	19/10/1987	ĐHSP GDMN		A	A		Đạy lớp Lá 1
21	Nguyễn Thị Thu	x	10/8/1978	ĐHSP GDMN		A	A		TPCM Tổ Lá đạy lớp Lá 3
22	Nguyễn Thị Hồng Nhung	x	6/10/1988	ĐHSP GDMN		A	A		Đạy lớp Chồi 3
23	Nguyễn Thị Thu Cúc	x	24/10/1989	ĐHSP GDMN		B1	A		Đạy lớp Lá 2
24	Phạm Thị Tuyết	x	10/4/1987	ĐHSP GDMN		A	A		Đạy lớp Chồi 2 Tổ trưởng Chồi
25	Phùng Thị Thủy	x	4/9/1985	ĐHSP GDMN		B	A		Đạy lớp Chồi 1
26	Đinh Thị Thủy	x	27/7/1986	ĐHSP GDMN		B	B		Đạy lớp Mầm 1 Tổ trưởng Mầm
27	Nguyễn Thị Trúc Mí	x	10/10/1990	ĐHSP GDMN		B	A		Đạy lớp chồi 2
28	Huỳnh Thị Thu Trang	x	10/12/1991	ĐHSP GDMN		B	B		Đạy nhóm trẻ 1A
29	Vũ Thị Lanh	x	28/12/1982	ĐHSP GDMN		A	B		Đạy lớp Mầm 2
30	Nguyễn Thị Thương	x	2/6/1986	ĐHSP GDMN		B	A		Đạy lớp Mầm 1
31	Lương Thị Tâm	x	6/9/1989	ĐHSP GDMN		B	A		Đạy lớp Chồi 3
32	Trần Thị Ngọc Bích	x	19/9/1987	ĐHSP GDMN		A	A		Đạy lớp mầm 2
33	Đàm Thị Yến	x	13/5/1984	ĐHSP GDMN		B	B		Đạy Nhóm nhà trẻ 1A
34	Trần Thị Thanh Xuân	x	16/9/1989	ĐHSP GDMN		B	B		Đạy Nhóm Nhà trẻ 1B
35	Đoàn Thị Hoa	x	7/6/1989	ĐHSP GDMN		B	B	BDQLGD	Đạy Nhóm nhà trẻ 1A Tổ Phó Mầm + Nhà trẻ

F A A

Thống kê	33		4	25	25	5	
----------	----	--	---	----	----	---	--

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT⁴

Trường Mầm non Tân Hiệp với tổng diện tích 4.419 m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 560874 ngày 28/6/2010. Năm học 2024-2025 có 237 trẻ, diện tích sử dụng đất bình quân tối thiểu là 18.64/ trẻ, vượt 6.64 m² so với quy định diện tích/trẻ (theo Điều 5- Thông tư 13/2020/TT-BDGĐT ngày 26/5/2020)

TT	Số liệu	Số lượng
I	Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo	10
1	Phòng sinh hoạt chung	10
II	Khối phòng phục vụ học tập	03
1	Phòng giáo dục nghệ thuật	01
2	Phòng đa chức năng	01
3	Phòng tin học	01
III	Khối phòng tổ chức ăn	02
1	Nhà bếp	1
2	Nhà kho	1
IV	Khối phòng hành chính quản trị	08
1	Phòng Hiệu trưởng	1
2	Phòng Hiệu trưởng	1
3	Văn Phòng	1
4	Phòng hội trường	1
5	Phòng hành chính quản trị	1

6	Phòng y tế	1
7	Phòng bảo vệ	1
8	Phòng dành cho nhân viên	1
V	Tổng mục I, II, III, IV	23

Nhà trường trang bị đầy đủ các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, theo Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23 tháng 03 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Thông tư ban hành danh mục đồ dùng đồ chơi thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non.

Đơn vị có 25 các món đồ dùng, đồ chơi thiết bị ngoài trời theo danh mục quy định, bên cạnh đó giáo viên còn đẩy mạnh việc làm đồ chơi tự tạo, được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC⁵

Năm học 2023-2024 trường được tái công nhận trường chuẩn Quốc gia mức độ 1 theo quyết định số 1424/QĐ-UBND tỉnh Bình Dương ngày 13/5/2024 và Quyết định số 486/QĐ-SGDĐT ngày 22/4/2024 của Sở giáo Dục đào tạo tỉnh Bình Dương công nhận trường Mầm non đạt chất lượng giáo dục cấp độ 2.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC⁶

1. Mạng lưới trường lớp

Năm học 2024-2025 trường có 9 nhóm, lớp/237 trẻ trong đó: Nhà trẻ: 02 nhóm/32 trẻ, mẫu giáo 8 lớp/205 (*giảm 33 trẻ so với cùng kỳ năm học trước*).

Các nhóm/ lớp được phân chia sắp xếp theo đúng độ tuổi, bố trí đủ số trẻ theo Điều lệ trường mầm non.

2. Tỷ lệ huy động:

- Tỷ lệ huy động trẻ ra lớp: Nhà trẻ 38/16 nữ/113 trẻ. Đạt tỷ lệ 40.4% (*Vượt 2.4% so với chỉ tiêu*).

- Tỷ lệ huy động độ tuổi mẫu giáo: 192/200 đạt tỷ lệ 96% (*Vượt 1 % so với chỉ tiêu*). Trong đó số trẻ 5 tuổi ra lớp 68/68 đạt tỷ lệ 100% (*Đạt so với chỉ tiêu*).

- Có 01 trẻ 5 tuổi khuyết tật học hòa nhập.

3. Kết quả nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ

3.1. Công tác chăm sóc, nuôi dưỡng:

- Trẻ phát triển bình thường: 236/270 đạt tỷ lệ: 87.4% (*Vượt 2.4% so với chỉ tiêu*).

- Trẻ SDD so với đầu năm giảm 5 trẻ (tỷ lệ giảm 2.05%).

HU
ÔNG
NO
HIỆ

- Trẻ béo phì so với đầu năm giảm 02 trẻ (tỷ lệ giảm 1.12%).
- 100% trẻ được theo dõi sức khỏe qua biểu đồ tăng trưởng và khám sức khỏe chuyên sâu (1 lần/ năm).
- Đơn vị sử dụng phần mềm hỗ trợ xây dựng thực đơn, điều tra khẩu phần dinh dưỡng hằng ngày cho trẻ kết quả. Nhà trẻ đạt: 651-800 Kcalo, trẻ MG: 738-942 Kcalo.

2.2. Công tác giáo dục:

- 100% giáo viên các nhóm, lớp đã thực hiện tốt việc ứng dụng phương pháp GD Steam vào chương trình GD trẻ, theo nguyên tắc lấy trẻ làm trung tâm, trẻ được thực hành, trải nghiệm trong tất cả các nội dung giáo dục tại trường.

- Kết quả đánh giá sự phát triển của trẻ cuối độ tuổi và cuối giai đoạn theo các chỉ số cuối năm học như sau:

+ Tổng số trẻ được theo dõi đánh giá sự phát triển 269/270 đạt tỉ lệ 99.62% (01 trẻ khuyết tật đánh giá bộ tiêu chí riêng).

+ Tỷ lệ chuyên cần đến lớp thường xuyên nhà trẻ đạt 90.46% (**vượt 5.46% so với chỉ tiêu**); mẫu giáo 94.26% (**vượt 1.26 so với chỉ tiêu %**), trong đó 5 tuổi đạt 96.78% (**vượt 1.78%**).

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH⁷

Nhà trường có hệ thống hồ sơ theo đúng quy định tại Điều 21 của Điều lệ trường mầm non, hồ sơ quản lý tài chính, tài sản được nhà trường lưu trữ theo quy định của pháp luật về kế toán, các văn bản có liên quan và quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/20217.

Công tác quản lý tài chính, tài sản theo các văn bản quy định, thu - chi tài chính đúng mục đích, tài sản được thực hiện theo Nghị định 151/2017 quy định về việc sử dụng tài sản công, sử dụng hiệu quả để phục vụ các hoạt động chăm sóc giáo dục. Việc quản lý, thu chi các nguồn tài chính của nhà trường thực hiện theo qui định hiện hành của Bộ tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo. Cuối năm học nhà trường có đánh giá lại việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của đơn vị.

Công tác công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thực hiện theo Thông tư số 36/2017/BGDĐT; công khai tài chính theo Thông tư số 61/2017 của Bộ tài chính và Thông tư số 90/2018 của Bộ tài chính. Hàng năm, nhà trường lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản kịp thời đúng quy định; định kỳ tự kiểm tra công tác tài chính, tài sản theo qui định, qui chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp. Vì vậy, trong nhiều năm liên tiếp trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC⁸

1. Kết quả hoạt động phong trào

Trẻ tham gia tốt Hội thi: Búp bê xinh ngoan do nhà văn hoá thiếu nhi tổ chức. Kết quả đạt giải 3 “Búp bê xinh ngoan, giải khuyến khích Bé vui khỏe.

Có 22/22 đề tài được công nhận cấp trường. Trong đó công nhận cấp huyện 9/11. (đạt tỉ lệ 81.8%).

Trong năm học 2023-2024 tập thể đạt giải Nhì trong cuộc thi phong trào xây dựng “Trường học xanh” theo quyết định số 2889/QĐ-UBND, Phú Giáo ngày 03/6/2024.

Cuối năm đơn vị xét thi đua cụm xếp thứ 5/25 trường, nhóm lớp mầm non công lập và ngoài công lập với tổng số điểm 932 điểm.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



¹ Mẫu Báo cáo thường niên chỉ quy định các yêu cầu thông tin bắt buộc; tiêu đề, thứ tự chương mục và hình thức trình bày thông tin do cơ sở giáo dục quyết định, bảo đảm thể hiện rõ nội dung của thông tin theo yêu cầu.

² Bao gồm các thông tin được quy định tại Điều 4 của Thông tư này.

³ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 10 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

⁴ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 2 Điều 6, khoản 2 Điều 8, khoản 2 Điều 10 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

⁵ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 3 Điều 6, khoản 3 Điều 8, khoản 3 Điều 10 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

⁶ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 2, 3 Điều 7, khoản 2, 3 Điều 9, khoản 2, 3 Điều 11 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

⁷ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 1, 3, 4 Điều 5 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

⁸ Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm khác của cơ sở giáo dục và của ngành.